

Số: 512/NĐTW-VTTB
V/v Mời chào giá dụng cụ phẫu thuật

Hà Nội, ngày 13 tháng 05 năm 2025

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung ương có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói Mua sắm dụng cụ phẫu thuật với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: *Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung ương, Thôn Bàu, xã Kim Chung, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội..*

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá *ThS. Bùi Văn Tấn, Phó trưởng phòng Vật tư - Thiết bị y tế, Số điện thoại: 098.693.1071, email: vattu_yte@nhtd.vn.*

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- *Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Vật tư - Thiết bị y tế - Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung ương, Thôn Bàu, xã Kim Chung, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.*

- *Nhận qua email: vattu_yte@nhtd.vn.*

* *Lưu ý: Đơn vị cung cấp báo giá qua email vẫn phải gửi bản gốc báo giá đến địa chỉ nhận tiếp nhận báo giá trực tiếp.*

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 13 tháng 05 năm 2025 đến hết ngày 23 tháng 05 năm 2025

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 23 tháng 05 năm 2025

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục dụng cụ phẫu thuật, bao gồm:

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
1	Bộ dụng cụ đại phẫu	Theo phụ lục đính kèm	1	Bộ
2	Bộ dụng cụ trung phẫu	Theo phụ lục đính kèm	1	Bộ
3	Van vén não	Theo phụ lục đính kèm	1	Bộ
4	Dụng cụ phẫu thuật sọ não	Theo phụ lục đính kèm	1	Bộ
5	Dụng cụ vi phẫu	Theo phụ lục đính kèm	1	Bộ
6	Dụng cụ phẫu thuật hàm mặt	Theo phụ lục đính kèm	1	Bộ
7	Dụng cụ phẫu thuật thẩm mỹ	Theo phụ lục đính kèm	1	Bộ
8	Dụng cụ tiểu phẫu thẩm mỹ	Theo phụ lục đính kèm	2	Bộ
9	Dụng cụ tiểu phẫu cấp cứu	Theo phụ lục đính kèm	2	Bộ

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế:

- Địa điểm cung cấp, lắp đặt: Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung ương
- Yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản dụng cụ phẫu thuật: Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: ≤ 180 ngày.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Tạm ứng: Không quá 30% giá trị hợp đồng.
- Thanh toán: Số lần thanh toán là nhiều lần trong quá trình thực hiện hoặc thanh toán một lần khi hoàn thành hợp đồng.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, VTTB.



Phạm Ngọc Thạch

PHỤ LỤC: DANH MỤC CHI TIẾT DỤNG CỤ PHẪU THUẬT MỜI CHÀO GIÁ

(Kèm theo công văn số: 512/NĐTW-VTTB ngày 13 tháng 05 năm 2025)

STT	Tên Bộ dụng cụ/ dụng cụ	Đơn vị tính	Số lượng	Chỉ tiêu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bộ dụng cụ đại phẫu	Bộ	1	*Yêu cầu chung: - Tất cả dụng cụ phải có xuất xứ là các quốc gia thuộc nhóm G7. - Tất cả dụng cụ hấp tiệt trùng ở nhiệt độ $\geq 134^{\circ}\text{C}$ - Dụng cụ được khắc laser logo và mã số hoặc mã vạch trên bề mặt. - Phần kim loại của dụng cụ được làm bằng thép không gỉ hoặc vật liệu cao cấp hơn (Đối với phần kim loại của dụng cụ có yêu cầu chi tiết nhà cung cấp có thể đáp ứng vật liệu cao cấp hơn), bề mặt được xử lý tạo lớp thụ động hóa học.	
1.1	Kẹp gấp bông băng	Cái	6	Kẹp gấp bông băng, cong, ngàm có khía, dài 250 mm ($\pm 5\text{mm}$)	
1.2	Kìm kẹp kim chuỗi vàng	Cái	2	Kìm mang kim chuỗi vàng, thẳng, bước răng 0.5mm, dài 260mm ($\pm 5\text{ mm}$) , dùng cho chỉ 1.0-3.0	
1.3	Kìm mang kim Mayo-Hegar	Cái	6	Kìm mang kim Mayo-Hegar, cán vàng, dài 200 mm ($\pm 5\text{mm}$), dùng cho chỉ 0.6-4.0	
1.4	Kẹp ruột Allis	Cái	8	Kẹp ruột Allis, thẳng, ngàm có răng (5x6), dài 185 mm ($\pm 5\text{mm}$)	
1.5	Kẹp phẫu tích Lahey	Cái	2	Kẹp phẫu tích Lahey, cong, ngàm có khía dọc, dài 195 mm ($\pm 5\text{mm}$)	
1.6	Kẹp mạch máu Halsted	Cái	16	Kẹp mạch máu Halsted , mảnh, cong, đầu tù, dài 180 mm ($\pm 5\text{mm}$)	
1.7	Kẹp động mạch Crile	Cái	20	Kẹp động mạch Crile hoặc tương đương, cong, dài 160 mm ($\pm 3\text{mm}$)	
1.8	Kéo phẫu tích Metzenbaum	Cái	4	Kéo phẫu tích Metzenbaum, cong, hai đầu tù, cán vàng, dài 200 mm ($\pm 3\text{mm}$)	
1.9	Kéo phẫu thuật	Cái	4	Kéo phẫu thuật, loại tiêu chuẩn, thẳng, hai đầu tù, dài 170 mm ($\pm 5\text{mm}$)	
1.10	Cán dao số 4	Cái	2	Cán dao số 4, loại tiêu chuẩn, dài 135 mm ($\pm 5\text{mm}$)	
1.11	Cán dao số 3	Cái	2	Cán dao số 3, loại tiêu chuẩn, dài 120 mm ($\pm 5\text{mm}$)	

STT	Tên Bộ dụng cụ/ dụng cụ	Đơn vị tính	Số lượng	Chỉ tiêu kỹ thuật	Ghi chú
1.12	Kẹp sãng Backhaus	Cái	20	Kẹp sãng Backhaus, dài 130 mm (± 5 mm)	
1.13	Nhíp mô Waugh	Cái	4	Nhíp mô Waugh, thẳng, ngàm có khía, dài 200 mm (± 5 mm)	
1.14	Nhíp phẫu tích có mẫu	Cái	4	Nhíp phẫu tích có mẫu, loại chuẩn, thẳng, hàm có răng (1x2), dài 200mm (± 3 mm)	
1.15	Kẹp lưỡng cực	Cái	2	Kẹp lưỡng cực chống dính, dạng lưới lê, chiều dài 200mm (± 5 mm), kích thước đầu 1mm (± 0.02 mm)	
1.16	Phẫu tích mạch máu Gerald	Cái	2	Nhíp phẫu tích mạch máu Gerald, mảnh, thẳng, ngàm có khía, dài 180 mm (± 5 mm)	
1.17	Banh vết thương Collin-Hartmann	Cái	4	Banh vết thương Collin-Hartmann, hai đầu, dài 155 mm (± 5 mm)	
1.18	Đè bụng/ruột Haberer	Cái	4	Đè bụng/ruột Haberer, thon, có thể uốn được, dài 300 mm (± 5 mm), 2 lưới rộng 40 mm (± 3 mm); 50 mm (± 3 mm)	
1.19	Banh phẫu thuật chữ L	Cái	4	Banh phẫu thuật, dáng chữ L, dài 220mm(± 10 mm), kích thước lưới 65 x 20mm(± 5 mm)	
1.20	Bộ banh bụng Balfour	Cái	2	Bộ banh bụng Balfour, dài 200 mm (± 3 mm), độ mở tối đa ≥ 150 mm, các lưới bên kích thước 65x 35 mm (± 5 mm), lưới chính giữa 45 x 80 mm (± 5 mm)	
1.21	Kẹp mạch máu Halsted (Mosquito)	Cái	8	Kẹp mạch máu Halsted (Mosquito), mảnh, thẳng, dài 205mm (± 5 mm)	
1.22	Kẹp ruột Hartmann	Cái	4	Kẹp ruột Hartmann, thẳng, lưới mềm và đàn hồi, ngàm có răng không chấn thương, dài 200 mm (± 3 mm)	
1.23	Thìa nạo Lempert	Cái	2	Thìa nạo Lempert, kích thước 2.7 mm(± 0.1 mm), dài 210 mm (± 5 mm)	
1.24	Hộp đựng dụng cụ và bảo quản dụng cụ phẫu thuật	Cái	2	Hộp hấp đựng và bảo quản dụng cụ phẫu thuật, loại 1/1, kích thước 590 x 275 x 130 mm (± 5 mm), gồm nắp và đáy, và 02 đĩa lọc sử dụng nhiều lần, chất liệu PPSU hoặc tương đương, đường kính đường kính ≥ 150 mm	

STT	Tên Bộ dụng cụ/ dụng cụ	Đơn vị tính	Số lượng	Chỉ tiêu kỹ thuật	Ghi chú
2	Bộ dụng cụ trung phẫu	Bộ	1	*Yêu cầu chung: - Tất cả dụng cụ phải có xuất xứ là các quốc gia thuộc nhóm G7. - Tất cả dụng cụ hấp diệt trùng ở nhiệt độ $\geq 134^{\circ}\text{C}$ - Dụng cụ được khắc laser logo và mã số hoặc mã vạch trên bề mặt. - Phần kim loại của dụng cụ được làm bằng thép không gỉ hoặc vật liệu cao cấp hơn (Đối với phần kim loại của dụng cụ có yêu cầu chi tiết nhà cung cấp có thể đáp ứng vật liệu cao cấp hơn), bề mặt được xử lý tạo lớp thụ động hóa học.	
2.1	Kẹp gấp bông băng	Cái	5	Kẹp gấp bông băng, cong, ngầm có khóa, dài 250 mm (± 5 mm)	
2.2	Kẹp động mạch Crile	Cái	25	Kẹp động mạch Crile hoặc tương đương, cong, dài 160mm (± 3 mm)	
2.3	Kẹp mạch máu Halsted	Cái	25	Kẹp mạch máu Halsted, mảnh, cong, dài 180 mm (± 5 mm)	
2.4	Kẹp sãng Backhaus	Cái	30	Kẹp sãng Backhaus, dài 130 mm (± 5 mm)	
2.5	Cán dao số 3	Cái	5	Cán dao số 3, loại tiêu chuẩn, dài 120 mm (± 5 mm)	
2.6	Cán dao số 4	Cái	5	Cán dao số 4, loại tiêu chuẩn, dài 135 mm (± 5 mm)	
2.7	Kéo phẫu thuật	Cái	5	Kéo phẫu thuật, loại tiêu chuẩn, thẳng, hai đầu tù, dài 170 mm (± 5 mm)	
2.8	Kéo phẫu thuật Mayo-Stille	Cái	5	Kéo phẫu thuật Mayo-Stille, cong, hai đầu tù, dài 170 mm (± 3 mm)	
2.9	Kẹp ruột Allis	Cái	12	Kẹp ruột Allis, thẳng, ngầm có răng (5x6), dài 190mm (± 10 mm)	
2.10	Kìm mang kim Mayo-Hegar	Cái	6	Kìm mang kim Mayo-Hegar, cán vàng, dài 200 mm (± 5 mm), dùng cho chỉ 0.6-4.0	
2.11	Kìm mang kim De Bakey	Cái	6	Kìm mang kim De Bakey, cán vàng, dài 160 mm (± 5 mm), dùng cho chỉ 4.0-6.0	
2.12	Nhíp phẫu tích có máu	Cái	10	Nhíp phẫu tích có máu, loại chuẩn, thẳng, hàm có răng (1x2), dài 160mm (± 3 mm)	

STT	Tên Bộ dụng cụ/ dụng cụ	Đơn vị tính	Số lượng	Chỉ tiêu kỹ thuật	Ghi chú
2.13	Nhíp phẫu tích không máu	Cái	10	Nhíp phẫu tích không máu, loại chuẩn, thẳng, ngàm có khía, dài 160mm (± 3 mm)	
2.14	Banh vết thương Farabeuf	Cái	10	Banh vết thương Farabeuf, bộ 2 chiếc, dài 120 mm (± 5 mm), kích thước: - 34 x 13 mm/27 x 10 mm (± 3 mm) - 30 x 13 mm/24 x 10 mm (± 3 mm)	
2.15	Kẹp phẫu tích Lahey	Cái	5	Kẹp phẫu tích Lahey, cong, ngàm có khía dọc, dài 195 mm (± 5 mm)	
2.16	Hộp đựng dụng cụ và bảo quản dụng cụ phẫu thuật	Cái	5	Hộp hấp đựng và bảo quản dụng cụ phẫu thuật, loại 1/1, kích thước 590 x 275 x 130 mm (± 5 mm), gồm nắp và đáy, và 02 đĩa lọc sử dụng nhiều lần, chất liệu PPSU hoặc tương đương, đường kính đường kính ≥ 150 mm	
3	Van vén não	Bộ	1	*Yêu cầu chung: - Tất cả dụng cụ phải có xuất xứ là các quốc gia thuộc nhóm G7. - Tất cả dụng cụ phải cùng một hãng sản xuất/ chủ sở hữu. - Tất cả dụng cụ hấp diệt trùng ở nhiệt độ $\geq 134^{\circ}\text{C}$ - Dụng cụ được khắc laser logo và mã số hoặc mã vạch trên bề mặt. - Phần kim loại của dụng cụ được làm bằng thép không gỉ hoặc vật liệu cao cấp hơn (Đối với phần kim loại của dụng cụ có yêu cầu chi tiết nhà cung cấp có thể đáp ứng vật liệu cao cấp hơn), bề mặt được xử lý tạo lớp thụ động hóa học.	
3.1	Tay giữ dụng cụ phẫu thuật Yasargil	Bộ	1	Tay giữ dụng cụ phẫu thuật Yasargil, hoạt động đôi kèm theo các đầu nối, phụ kiện đi kèm	
3.2	Tay giữ cố định dụng cụ phẫu thuật Yasargil	Bộ	1	Tay giữ cố định dụng cụ phẫu thuật Yasargil kèm theo các đầu nối, phụ kiện đi kèm	
3.3	Tay giữ hỗ trợ dùng cho vén não	Cái	2	Tay giữ hỗ trợ dùng cho vén não, tay cầm tròn, chiều dài hoạt động 5.5mm (± 0.5 mm)	
3.4	Khớp nối	Cái	1	Khớp nối, có thể xoay mở sang một bên cho 1 cánh tay linh hoạt	

STT	Tên Bộ dụng cụ/ dụng cụ	Đơn vị tính	Số lượng	Chỉ tiêu kỹ thuật	Ghi chú
3.5	Vén não Heifetz	Cái	2	Vén não Heifetz, cán tròn, dài 155mm (± 3 mm), chiều rộng lưỡi 11mm (± 0.5 mm)	
3.6	Vén não hai đầu	Cái	2	Vén não hai đầu, dễ uốn, dài 200mm (± 3 mm), chiều rộng 2 đầu lần lượt là 10mm (± 0.5 mm), 11mm (± 0.5 mm)	
3.7	Lưỡi vén	Cái	2	Lưỡi vén, kích thước 200mm (± 5 mm), kích thước 2 đầu lần lượt là 8 mm (± 0.5 mm), 3 mm (± 1 mm)	
4	Dụng cụ phẫu thuật sọ não	Bộ	1	*Yêu cầu chung: - Tất cả dụng cụ phải có xuất xứ là các quốc gia thuộc nhóm G7. - Tất cả dụng cụ hấp diệt trùng ở nhiệt độ $\geq 134^{\circ}\text{C}$ - Dụng cụ được khắc laser logo và mã số hoặc mã vạch trên bề mặt. - Phần kim loại của dụng cụ được làm bằng thép không gỉ hoặc vật liệu cao cấp hơn (Đối với phần kim loại của dụng cụ có yêu cầu chi tiết nhà cung cấp có thể đáp ứng vật liệu cao cấp hơn), bề mặt được xử lý tạo lớp thụ động hóa học.	
4.1	Kẹp sàng Backhaus dài 130mm	Cái	2	Kẹp sàng Backhaus, dài 130mm (± 5 mm)	
4.2	Kẹp sàng Backhaus dài 110mm	Cái	2	Kẹp sàng Backhaus, dài 110mm (± 3 mm)	
4.3	Kẹp sàng Backhaus dài 150mm	Cái	2	Kẹp sàng Backhaus, dài 150mm (± 5 mm)	
4.4	Bát đựng dung tích 280ml	Cái	3	Bát đựng, dung tích 280ml (± 30 ml), chất liệu nhựa polypropylen hoặc tương đương, loại dùng nhiều lần	
4.5	Bát đựng dung tích 900ml	Cái	1	Bát đựng, dung tích 900 ml (± 100 ml), chất liệu nhựa polypropylen hoặc tương đương, loại dùng nhiều lần	
4.6	Cán dao dùng cho lưỡi cỡ 21	Cái	1	Cán dao, dài 135mm (± 3 mm), dùng cho lưỡi dao 21	
4.7	Cán dao dùng cho lưỡi cỡ 11	Cái	1	Cán dao, dài 125mm (± 3 mm), dùng cho lưỡi dao 11	

STT	Tên Bộ dụng cụ/ dụng cụ	Đơn vị tính	Số lượng	Chỉ tiêu kỹ thuật	Ghi chú
4.8	Dụng cụ phẫu tích	Cái	1	Dụng cụ phẫu tích Sachs, dài 210 mm (± 3 mm)	
4.9	Thìa nạo xương Lempert	Cái	1	Thìa nạo xương Lempert, lưới hình bầu dục, kích thước 2.7 mm (± 0.2 mm), dài 210 mm (± 5 mm)	
4.10	Kìm găm xương Frykholm	Cái	1	Kìm găm xương Frykholm, gấp góc bên, hoạt động đôi, dài 240 mm (± 3 mm)	
4.11	Khay quả thận	Cái	1	Khay quả thận, dung tích trong khoảng từ 500ml đến 800ml, chất liệu nhựa polypropylen hoặc tương đương, loại dùng nhiều lần	
4.12	Kìm mang kim De Bakey	Cái	2	Kìm mang kim De Bakey, thẳng, ngàm rộng 1.5mm (± 0.2 mm), bước răng 0.40mm (± 0.03 mm), dùng cho chỉ 4/0-6/0, dài 180mm (± 3 mm)	
4.13	Kéo Metzembaum dài 200mm	Cái	2	Kéo Metzembaum, cong, mũi tù/tù, cán vàng, dài 200mm (± 3 mm)	
4.14	Kéo Metzembaum dài 140mm	Cái	2	Kéo Metzembaum, cong, mũi tù/tù, cán vàng, dài 140mm (± 5 mm)	
4.15	Kéo phẫu thuật	Cái	1	Kéo phẫu thuật, loại tiêu chuẩn, cong, mũi nhọn/tù, dài 165mm (± 3 mm)	
4.16	Ống hút đường kính 1.7mm	Cái	2	Ống hút, đầu hình giọt nước, đường kính 1.7mm/5 Charr., điều chỉnh hút dùng bằng ngón tay, chiều dài hoạt động 140mm (± 3 mm), chiều dài tổng thể 205mm (± 3 mm)	
4.17	Ống hút đường kính Ø2.3mm	Cái	2	Ống hút, đầu hình giọt nước, đường kính Ø2.3mm/7 Charr., điều chỉnh hút dùng bằng ngón tay, chiều dài hoạt động 140mm (± 3 mm), chiều dài tổng thể 205mm (± 3 mm)	
4.18	Ống hút đường kính 3mm	Cái	2	Ống hút, đầu hình giọt nước, đường kính 3mm/9 Charr., điều chỉnh hút dùng bằng ngón tay, chiều dài hoạt động 115mm (± 3 mm), chiều dài tổng thể 180mm (± 3 mm)	
4.19	Nhíp phẫu tích có máu	Cái	2	Nhíp phẫu tích có máu, loại chuẩn, thẳng, ngàm có răng (1x2), dài 200mm (± 3 mm)	
4.20	Nhíp phẫu tích không máu	Cái	1	Nhíp phẫu tích không máu, loại chuẩn, thẳng, dài 200mm (± 3 mm)	
4.21	Nhíp phẫu tích không máu	Cái	1	Nhíp phẫu tích không máu, loại chuẩn, thẳng, dài 145mm (± 5 mm)	

STT	Tên Bộ dụng cụ/ dụng cụ	Đơn vị tính	Số lượng	Chỉ tiêu kỹ thuật	Ghi chú
4.22	Nhíp phẫu thuật Micro-Adson có máu	Cái	2	Nhíp phẫu thuật Micro-Adson có máu, thẳng, ngàm có răng (1x2), dài 150mm (± 3 mm)	
4.23	Nhíp phẫu thuật Micro-Adson không máu	Cái	2	Nhíp phẫu thuật Micro-Adson không máu, thẳng, dài 150mm (± 3 mm)	
4.24	Banh vết thương US-Army hai đầu	Bộ	2	Banh vết thương US-Army hai đầu, bộ 2 chiếc, dài 210mm (± 10 mm)	
4.25	Banh vết thương Farabeuf	Bộ	2	Banh Farabeuf, hai đầu, dài 150mm (± 3 mm), bộ 2 chiếc	
4.26	Kẹp mạch máu Hastled-Mosquito	Cái	1	Kẹp mạch máu Hastled-Mosquito, mảnh, thẳng, dài 190mm (± 10 mm)	
4.27	Kẹp bông băng Foerster-Ballenger	Cái	1	Kẹp bông băng Foerster-Ballenger, thẳng, dài 250mm (± 5 mm)	
4.28	Kẹp mạch máu Hastled-Mosquito	Cái	5	Kẹp mạch máu Hastled-Mosquito, cong, dài 125mm (± 3 mm)	
4.29	Kẹp mô Allis	Cái	2	Kẹp mô Allis, ngàm có 5x6 răng, dài 190mm (± 3 mm)	
4.30	Dụng cụ dẫn dây cưa	Cái	1	Dụng cụ dẫn dây cưa, dài 340mm (± 10 mm)	
4.31	Kẹp lưỡng cực	Cái	2	Kẹp lưỡng cực, dạng lưới lê, dài 22cm (± 0.3 cm), đầu kích thước 0.1mm (± 0.03 mm)	
4.32	Nâng mạch máu Freer	Cái	1	Nâng mạch máu Freer, một đầu nhọn, một đầu tù, chiều dài 190mm (± 10 mm)	
4.33	Kéo vi phẫu Potts	Cái	2	Kéo vi phẫu Potts, cong, mũi nhọn/nhọn, cán tròn, dài 170mm (± 10 mm), lưới dài 10mm (± 0.05 mm), tay cầm có vân lõm	
4.34	Kìm mang kim Mayo-Hegar	Cái	1	Kìm mang kim Mayo-Hegar, cán vàng, dài 180 mm (± 5 mm), dùng cho chỉ 0.6-4.0	
4.35	Kìm mang kim De Bakey	Cái	1	Kìm mang kim De Bakey, cán vàng, dài 155 mm (± 5 mm), dùng cho chỉ 4.0-6.0	

STT	Tên Bộ dụng cụ/ dụng cụ	Đơn vị tính	Số lượng	Chỉ tiêu kỹ thuật	Ghi chú
4.36	Kim mang kim vi phẫu	Cái	2	Kim mang kim vi phẫu, cán tròn, có khóa cài, kiểu nhíp, ngâm phủ bụi sapphire/ kim cương hoặc tương đương, thẳng, kích thước ngâm 0.8mm (± 0.05 mm), dài 210mm (± 3 mm), dùng cho chỉ tới 7/0.	
4.37	Nhíp vi phẫu	Cái	2	Nhíp vi phẫu, hình lưỡi lê, đầu thẳng, ngâm trơn, rộng 0.6mm (± 0.1 mm), dài 160 mm (± 5 mm)	
4.38	Dụng cụ móc vi phẫu Rhoton	Cái	2	Dụng cụ móc vi phẫu Rhoton, dài 19cm (± 0.5 cm), gập góc 45°, đầu bán sắc, chất liệu titan hoặc tương đương	
4.39	Hộp hấp đựng và bảo quản dụng cụ phẫu thuật	Cái	2	Hộp hấp đựng và bảo quản dụng cụ phẫu thuật, loại 3/4, kích thước 460 x 275 x 110 mm (± 10 mm), gồm nắp và đáy, và đĩa lọc sử dụng nhiều lần, chất liệu PPSU hoặc tương đương, đường kính ≥ 150 mm	
5	Dụng cụ vi phẫu	Bộ	1	*Yêu cầu chung: - Tất cả dụng cụ phải có xuất xứ là các quốc gia thuộc nhóm G7. - Tất cả dụng cụ hấp tiệt trùng ở nhiệt độ $\geq 134^{\circ}\text{C}$ - Dụng cụ được khắc laser logo và mã số hoặc mã vạch trên bề mặt. - Phần kim loại của dụng cụ được làm bằng thép không gỉ hoặc vật liệu cao cấp hơn (Đối với phần kim loại của dụng cụ có yêu cầu chi tiết nhà cung cấp có thể đáp ứng vật liệu cao cấp hơn), bề mặt được xử lý tạo lớp thụ động hóa học.	
5.1	Kẹp thắt chỉ vi phẫu	Cái	2	Kẹp thắt chỉ vi phẫu, thẳng, cán tròn, dài 120mm (± 3 mm), ngâm rộng 0.3mm (± 0.03 mm)	
5.2	Kẹp thắt chỉ vi phẫu	Cái	2	Kẹp thắt chỉ vi phẫu, thẳng, cán tròn, dài 150mm (± 3 mm), ngâm rộng 0.3 mm (± 0.03 mm)	
5.3	Kẹp vi phẫu	Cái	1	Kẹp vi phẫu, thẳng, dài 110mm (± 3 mm), ngâm rộng 0.15mm (± 0.02 mm)	
5.4	Kẹp vi phẫu	Cái	2	Kẹp vi phẫu, thẳng, dài 110mm (± 3 mm), ngâm rộng 0.20mm (± 0.02 mm)	
5.5	Kẹp vi phẫu	Cái	1	Kẹp vi phẫu, thẳng, dài 110mm (± 3 mm), ngâm rộng 0.30mm (± 0.03 mm)	

STT	Tên Bộ dụng cụ/ dụng cụ	Đơn vị tính	Số lượng	Chỉ tiêu kỹ thuật	Ghi chú
5.6	Kẹp mang kim vi phẫu Reill	Cái	1	Kẹp mang kim vi phẫu Reill, cong, ngàm trơn, cán tròn, không có khóa cài, cán kiểu nhíp, dài 150mm (± 3 mm), dùng cho chỉ 9/0-11/0	
5.7	Kẹp mang kim vi phẫu Reill	Cái	1	Kẹp mang kim vi phẫu Reill, thẳng, ngàm trơn, cán tròn, không có khóa cài, cán kiểu nhíp, dài 150mm (± 3 mm), dùng cho chỉ 9/0-11/0	
5.8	Kẹp mang kim vi phẫu	Cái	1	Kẹp mang kim vi phẫu ngàm phủ bụi sapphire hoặc tương đương, cong, cán tròn kiểu nhíp, có khóa cài, dài 180mm (± 3 mm), dùng cho chỉ 6/0-10/0.	
5.9	Nhíp vi phẫu thân tròn	Cái	1	Nhíp vi phẫu thân tròn, đường kính 8mm, dài 150mm (± 3 mm), loại thẳng, ngàm rộng 0.3mm (± 0.03 mm)	
5.10	Nhíp vi phẫu thân tròn	Cái	1	Nhíp vi phẫu thân tròn, đường kính 8mm, dài 150mm (± 3 mm), loại thẳng, ngàm rộng 0.7mm (± 0.05 mm)	
5.11	Nhíp vi phẫu thân tròn	Cái	1	Nhíp vi phẫu thân tròn, đường kính 8mm, dài 150mm (± 3 mm), loại cong, ngàm rộng 0.7mm (± 0.05 mm)	
5.12	Nhíp vi phẫu đầu gấp 10 độ	Cái	1	Nhíp vi phẫu đầu gấp 10 độ (± 0.3 độ), dài 110mm (± 3 mm)	
5.13	Dụng cụ đặt kẹp mạch máu Biemer	Cái	1	Dụng cụ đặt kẹp mạch máu Biemer, thẳng, dài 145mm (± 3 mm)	
5.14	Kẹp mạch máu đôi	Cái	2	Kẹp mạch máu đôi Biemer hoặc tương đương, thẳng, ngàm mở 5mm (± 0.3 mm), ngàm dài 6mm-9mm, lực kẹp 0.25 – 0.29 N (25-30gr)	
5.15	Kẹp mạch máu đôi	Cái	1	Kẹp mạch máu đôi Biemer hoặc tương đương, gấp góc, ngàm mở trong khoảng 3mm đến 5mm, ngàm dài trong khoảng 4.5mm-9mm, lực kẹp trong khoảng 0.25 – 0.29 N (25-30gr)	
5.16	Kẹp vi phẫu mạch máu Biemer	Cái	1	Kẹp vi phẫu mạch máu Biemer, thẳng, ngàm có khía nghiêng dài 6mm (± 0.5 mm), ngàm mở 4mm (± 0.3 mm), lực đóng trong khoảng 0.29-0.39N (29-40gr), dùng cho mạch máu đường kính 0.5-2mm	
5.17	Kẹp vi phẫu mạch máu Biemer	Cái	1	Kẹp vi phẫu mạch máu Biemer, thẳng, ngàm có khía nghiêng dài 9mm (± 0.5 mm), ngàm mở 5mm (± 0.3 mm), lực đóng trong khoảng 0.29-0.39N (29-40gr), dùng cho mạch máu đường kính trong khoảng 0.5-2mm	

STT	Tên Bộ dụng cụ/ dụng cụ	Đơn vị tính	Số lượng	Chỉ tiêu kỹ thuật	Ghi chú
5.18	Kéo vi phẫu	Cái	1	Kéo vi phẫu Millesi, thẳng, mũi nhọn/nhọn, cán dẹt, dài 160mm ($\pm$ 5mm)	
5.19	Kéo vi phẫu	Cái	1	Kéo vi phẫu, cong, mũi nhọn/nhọn, cán tròn, dài 145mm ($\pm$ 3mm)	
5.20	Kéo vi phẫu Vannas	Cái	1	Kéo vi phẫu Vannas hoặc tương đương, cong, cán bấm (cán nhíp), dài khoảng 150mm-160mm	
5.21	Kéo vi phẫu	Cái	2	Kéo vi phẫu, cong, mũi tù/tù, cán tròn, dài 145mm ($\pm$ 5mm)	
5.22	Nắp hộp đựng và bảo quản dụng cụ phẫu thuật	Cái	1	Nắp hộp đựng và bảo quản dụng cụ phẫu thuật, kích thước 295 x 280 mm ($\pm$ 5mm)	
5.23	Đáy hộp đựng và bảo quản dụng cụ phẫu thuật	Cái	1	Đáy hộp đựng và bảo quản dụng cụ phẫu thuật, không có lỗ thoát khí, kích thước ngoài 295 x 275 x 185 mm ($\pm$ 5mm)	
5.24	Khay lưới bảo quản dụng cụ phẫu thuật	Cái	2	Khay lưới bảo quản dụng cụ phẫu thuật, có chân, kích thước 240 x 250 x 75 mm ($\pm$ 5mm)	
5.25	Lưới silicone làm khô ráo và chống va đập cho dụng cụ phẫu thuật	Cái	1	Lưới silicone làm khô ráo và chống va đập cho dụng cụ phẫu thuật, kích thước 240 x 250 mm ($\pm$ 5mm)	
5.26	Miếng Silicone cố định dụng cụ	Cái	2	Miếng Silicone cố định dụng cụ, kích thước 245 x 40 mm ($\pm$ 5mm)	
6	Dụng cụ phẫu thuật hàm mặt	Bộ	1	*Yêu cầu chung: - Tất cả dụng cụ phải có xuất xứ là các quốc gia thuộc nhóm G7. - Tất cả dụng cụ hấp tiệt trùng ở nhiệt độ $\geq 134^{\circ}\text{C}$ - Dụng cụ được khắc laser logo và mã số hoặc mã vạch trên bề mặt. - Phần kim loại của dụng cụ được làm bằng thép không gỉ hoặc vật liệu cao cấp hơn (Đối với phần kim loại của dụng cụ có yêu cầu chi tiết nhà cung cấp có thể đáp ứng vật liệu cao cấp hơn), bề mặt được xử lý tạo lớp thụ động hóa học.	

STT	Tên Bộ dụng cụ/ dụng cụ	Đơn vị tính	Số lượng	Chỉ tiêu kỹ thuật	Ghi chú
6.1	Banh cầm tay Kocher-Langenbeck	Cái	2	Banh cầm tay Kocher-Langenbeck, kích thước 55x11mm (± 2 mm), dài 210mm (± 5 mm).	
6.2	Banh cầm tay Kocher-Langenbeck	Cái	2	Banh cầm tay Kocher-Langenbeck, kích thước 35x15mm (± 2 mm), dài 210mm (± 5 mm).	
6.3	Giữ xương đầu	Cái	2	Giữ xương đầu có răng nhọn dài 210mm (± 5 mm)	
6.4	Kìm giữ xương VERBRUGGE	Cái	2	Kìm giữ xương Verbrugge có khóa giữ, bản rộng 9.5mm (± 0.5 mm), dài 250mm (± 5 mm).	
6.5	Kìm găm xương STILLE-RUSKIN	Cái	1	Kìm găm xương Stille-Ruskin hoặc tương đương cong bản rộng 6mm (± 0.3 mm), dài 235mm (± 5 mm).	
6.6	Nạo xương đầu	Cái	1	Nạo xương đầu cong xuôi kích thước 4.5mm (± 0.3 mm), dài 240mm (± 10 mm).	
6.7	Nạo xương BRUNS	Cái	1	Nạo xương Bruns cỡ 000 kích thước 3.3mm (± 0.3 mm)., dài 170mm (± 5 mm).	
6.8	Ống hút ADSON	Cái	1	Ống hút ADSON, đầu hơi cong, dài 205mm (± 5 mm).	
6.9	Ống hút DE BAKEY	Cái	1	Ống hút Debakey, đầu cong đường kính 9mm (± 0.5 mm), dài 270mm (± 10 mm).	
6.10	Lóc màng xương	Cái	1	Lóc màng xương bản rộng 6mm (± 0.3 mm), đầu hơi cong, dài 190mm (± 10 mm).	
6.11	Panh cong không máu HALSTED-MOSQUITO	Cái	1	Panh cong không máu Halsted-Mosquito dài 180mm (± 5 mm)	
6.12	Hộp đựng dụng cụ tiết trùng	Cái	1	Hộp đựng dụng cụ và bảo quản dụng cụ phẫu thuật kích thước 285x280x150mm (± 5 mm)	
6.13	Thảm silicon	Cái	1	Thảm silicon kích thước 250x230mm (± 5 mm).	
6.14	Thân vận vít	Cái	2	Thân vận vít, dài 80mm (± 3 mm)	
6.15	Khay đựng vít mini	Cái	1	Khay đựng vít mini, chất liệu titanium hoặc tương đương	

STT	Tên Bộ dụng cụ/ dụng cụ	Đơn vị tính	Số lượng	Chỉ tiêu kỹ thuật	Ghi chú
6.16	Khay đựng vít maxi	Cái	1	Khay đựng vít maxi 2.0mm($\pm$ 0.2mm)	
6.17	Cắt nẹp mini	Cái	2	Cắt nẹp Mini, dài 180mm ($\pm$ 5mm)	
6.18	Uốn nẹp mini	Cái	2	Uốn nẹp Mini, dài 125mm ($\pm$ 5mm)	
6.19	Uốn nẹp micro và mini	Cái	2	Uốn nẹp micro và mini, dài 125mm ($\pm$ 5mm)	
6.20	Kìm uốn nẹp tái tạo	Cái	1	Kìm uốn nẹp tái tạo, dài 135mm ($\pm$ 5mm)	
6.21	Kìm uốn nẹp tái tạo	Cái	1	Kìm uốn nẹp tái tạo, dài 135mm ($\pm$ 5mm)	
6.22	Canular	Cái	1	Canular 2.0mm	
6.23	Banh	Cái	1	Banh 2.0mm	
6.24	Dùi	Cái	1	Dùi 2.0mm	
6.25	Hướng mũi khoan	Cái	1	Hướng mũi khoan 2.0mm	
6.26	Đo độ sâu vít	Cái	1	Đo độ sâu vít, dài 215mm ($\pm$ 5mm)	
6.27	Mũi khoan micro	Cái	2	Mũi khoan micro, 1.0 x 50mm($\pm$ 0.2mm), dừng 5mm ($\pm$ 0.2mm)	
6.28	Mũi khoan micro	Cái	2	Mũi khoan micro, 1.0 x 50mm($\pm$ 0.2mm), dừng 7.5mm ($\pm$ 0.5 mm)	
6.29	Mũi khoan mini	Cái	2	Mũi khoan mini, 1.5 x 50mm($\pm$ 0.2mm), dừng 10mm ($\pm$ 0.3mm)	
6.30	Mũi khoan mini	Cái	2	Mũi khoan mini, 1.5 x 50mm($\pm$ 0.2mm), dừng 20mm ($\pm$ 0.5mm)	
6.31	Mũi khoan maxi	Cái	2	Mũi khoan maxi 1.8 x 95mm ($\pm$ 0.2mm), vít 2.3mm ($\pm$ 0.1mm)	
6.32	Mũi khoan maxi	Cái	2	Mũi khoan maxi 2.0 x 103mm ($\pm$ 0.2mm), vít 2.7mm($\pm$ 0.1mm)	
6.33	Cán vặn vít micro	Cái	1	Cán vặn vít Micro, dài 120mm ($\pm$ 5mm)	
6.34	Cán vặn vít mini	Cái	1	Cán vặn vít mini, dài 100mm ($\pm$ 5mm)	
6.35	Cán vặn vít maxi	Cái	1	Cán vặn vít maxi, dài 100mm ($\pm$ 5mm)	

STT	Tên Bộ dụng cụ/ dụng cụ	Đơn vị tính	Số lượng	Chỉ tiêu kỹ thuật	Ghi chú
7	Dụng cụ phẫu thuật thẩm mỹ	Bộ	1	*Yêu cầu chung: - Tất cả dụng cụ phải có xuất xứ là các quốc gia thuộc nhóm G7. - Tất cả dụng cụ hấp tiệt trùng ở nhiệt độ $\geq 134^{\circ}\text{C}$ - Dụng cụ được khắc laser logo và mã số hoặc mã vạch trên bề mặt. - Phần kim loại của dụng cụ được làm bằng thép không gỉ hoặc vật liệu cao cấp hơn (Đối với phần kim loại của dụng cụ có yêu cầu chi tiết nhà cung cấp có thể đáp ứng vật liệu cao cấp hơn), bề mặt được xử lý tạo lớp thụ động hóa học.	
7.1	Kìm kẹp kim CRILE-WOOD	Cái	1	Kìm kẹp kim Crile-Wood cán vàng dài 180mm($\pm 5\text{mm}$)	
7.2	Kìm kẹp kim HALSEY	Cái	2	Kìm kẹp kim Halsey cán vàng, dài 130mm ($\pm 5\text{mm}$)	
7.3	Nhíp phẫu tích ADSON	Cái	2	Nhíp phẫu tích Adson 1x2 răng dài 150mm ($\pm 5\text{mm}$)	
7.4	Nhíp phẫu tích ADSON	Cái	1	Nhíp phẫu tích Adson không răng dài 120mm ($\pm 5\text{mm}$)	
7.5	Thước cuộn	Cái	1	Thước cuộn dài 1.65 m ($\pm 0.15\text{m}$).	
7.6	Móc đôi TRACHEA	Cái	1	Móc đôi Trachea 2 răng hơi sắc, dài 160mm($\pm 5\text{mm}$)	
7.7	Bộ banh FARABEUF	Cái	1	Bộ banh Farabeuf, dài 120mm($\pm 5\text{mm}$)	
7.8	Bộ banh FARABEUF	Cái	1	Bộ banh Farabeuf, dài 150mm($\pm 5\text{mm}$)	
7.9	Panh không máu HEISS	Cái	3	Panh mảnh cong ít không máu Heiss, dài 200mm($\pm 5\text{mm}$)	
7.10	Panh cong không máu Kelly	Cái	3	Panh cong không máu Kelly hoặc tương đương dài 160mm($\pm 5\text{mm}$)	
7.11	Kéo phẫu thuật MAYO	Cái	1	Kéo phẫu thuật Mayo, thẳng, dài 170mm ($\pm 5\text{mm}$)	
7.12	Kẹp sàng BACKHAUS	Cái	5	Kẹp sàng Backhaus, dài 150mm ($\pm 5\text{mm}$)	
7.13	Kẹp răng chuột JUDD-ALLIS	Cái	2	Kẹp răng chuột Judd-Allis 3x4 răng, dài 150mm ($\pm 5\text{mm}$)	
7.14	Kẹp bông sát khuẩn RAMPLEY	Cái	1	Kẹp bông sát khuẩn Rampley, dài 180mm ($\pm 5\text{mm}$)	

STT	Tên Bộ dụng cụ/ dụng cụ	Đơn vị tính	Số lượng	Chỉ tiêu kỹ thuật	Ghi chú
7.15	Cán dao mổ số 3	Cái	1	Cán dao mổ số 3, dài 125mm (± 5 mm)	
7.16	Cán dao mổ số 4	Cái	1	Cán dao mổ số 4, dài 135mm (± 3 mm)	
7.17	Kéo phẫu thuật IRIS	Cái	1	Kéo phẫu thuật Iris mũi mảnh cong dài 110mm (± 5 mm).	
7.18	Kéo phẫu thuật GOLDMAN-FOX	Cái	1	Kéo phẫu thuật Goldman-Fox cán vàng, đầu cong, mũi nhọn/nhọn, dài 130mm (± 5 mm)	
7.19	Kéo phẫu thuật TOENNIS ADSON	Cái	1	Kéo phẫu thuật Toennis-Adson, cán vàng, cong, dài 180mm (± 5 mm).	
7.20	Kim gây tê	Cái	1	Kim tiêm tê, dài 150mm (± 5 mm)	
7.21	Kim gây tê	Cái	1	Kim tiêm tê, dài 195mm (± 5 mm)	
7.22	Kim hút mỡ	Cái	1	Kim hút mỡ, dài 295mm (± 5 mm)	
7.23	Kim hút mỡ	Cái	1	Kim hút mỡ, dài 400mm (± 5 mm)	
7.24	Kim hút mỡ	Cái	1	Kim hút mỡ, dài 295mm (± 5 mm)	
7.25	Hộp đựng dụng cụ tiết trùng	Cái	1	Hộp đựng dụng cụ và bảo quản dụng cụ phẫu thuật kích thước 465 x 280 x 135 mm (± 5 mm)	
8	Dụng cụ tiêu phẫu thẩm mỹ	Bộ	2	*Yêu cầu chung: - Tất cả dụng cụ phải có xuất xứ là các quốc gia thuộc nhóm G7. - Tất cả dụng cụ hấp tiết trùng ở nhiệt độ $\geq 134^{\circ}\text{C}$ - Dụng cụ được khắc laser logo và mã số hoặc mã vạch trên bề mặt. - Phần kim loại của dụng cụ được làm bằng thép không gỉ hoặc vật liệu cao cấp hơn (Đối với phần kim loại của dụng cụ có yêu cầu chi tiết nhà cung cấp có thể đáp ứng vật liệu cao cấp hơn), bề mặt được xử lý tạo lớp thụ động hóa học.	
Dụng cụ chi tiết cho 01 Bộ bao gồm:					
8.1	Kéo phẫu thuật GOLDMAN-FOX	Cái	1	Kéo phẫu thuật Goldman-Fox cán vàng, đầu cong, mũi nhọn/nhọn, dài 130mm (± 5 mm)	

STT	Tên Bộ dụng cụ/ dụng cụ	Đơn vị tính	Số lượng	Chỉ tiêu kỹ thuật	Ghi chú
8.2	Banh vén CUSHING	Cái	1	Banh vén Cushing đầu cong rộng 12mm($\pm$ 0.5mm), dài 240mm ($\pm$ 5mm)	
8.3	Banh mềm Walton	Cái	1	Banh mềm Walton bản rộng 17mm($\pm$ 0.5mm), dài 200mm($\pm$ 5mm)	
8.4	Compa	Cái	1	Compa, dài 70mm ($\pm$ 5mm)	
8.5	Thước đo	Cái	1	Thước đo dài 150mm($\pm$ 5mm)	
8.6	Móc JOSEPH	Cái	1	Móc JOSEPH 2 răng, 2 mm($\pm$ 0.2mm), chiều dài 160mm($\pm$ 5mm)	
8.7	Nhíp phẫu tích ADSON	Cái	2	Nhíp phẫu tích ADSON micro, 1x2 răng, dài 150mm($\pm$ 5mm)	
8.8	Cán dao Barron	Cái	1	Cán dao Barron, dài 130mm ($\pm$ 5mm)	
8.9	Nâng xương LANGENBECK	Cái	1	Nâng xương Langenbeck bản rộng 8mm($\pm$ 0.5mm), dài 200mm($\pm$ 5mm)	
8.10	Lóc màng xương Adson	Cái	1	Lóc màng xương Adson thẳng bản rộng 7mm($\pm$ 0.3mm), dài 170mm($\pm$ 5mm)	
8.11	Lóc màng xương Adson	Cái	1	Lóc màng xương Adson cong bản rộng 7mm($\pm$ 0.3mm), dài 170mm ($\pm$ 5mm)	
8.12	Kéo phẫu thuật METZENBAUM	Cái	1	Kéo phẫu thuật Metzenbaum cán vàng mũi tù/tù, đầu cong dài, 180mm ($\pm$ 5mm)	
8.13	Hộp đựng dụng cụ tiệt trùng	Cái	1	Hộp đựng dụng cụ và bảo quản dụng cụ phẫu thuật kích thước 285 x 280 x 135 mm ($\pm$ 5mm)	
9	Dụng cụ tiểu phẫu cấp cứu	Bộ	2	*Yêu cầu chung: - Tất cả dụng cụ phải có xuất xứ là các quốc gia thuộc nhóm G7. - Tất cả dụng cụ hấp tiệt trùng ở nhiệt độ $\geq 134^{\circ}\text{C}$ - Dụng cụ được khắc laser logo và mã số hoặc mã vạch trên bề mặt. - Phần kim loại của dụng cụ được làm bằng thép không gỉ hoặc vật liệu cao cấp hơn(Đối với phần kim loại của dụng cụ có yêu cầu chi tiết nhà cung cấp có thể đáp ứng vật liệu cao cấp hơn), bề mặt được xử lý tạo lớp thụ động hóa học.	

STT	Tên Bộ dụng cụ/ dụng cụ	Đơn vị tính	Số lượng	Chỉ tiêu kỹ thuật	Ghi chú
Dụng cụ chi tiết cho 01 Bộ bao gồm:					
9.1	Panh cong ít HEISS	Cái	1	Panh mảnh cong ít không mấu Heiss dài 200mm($\pm$ 5mm)	
9.2	Panh cong mạnh HEISS	Cái	1	Panh mảnh cong mạnh không mấu Heiss dài 200mm($\pm$ 5mm)	
9.3	Kéo phẫu thuật METZENBAUM	Cái	1	Kéo phẫu thuật Metzenbaum cán vàng mũi tù/tù, cong dài 180mm($\pm$ 5mm)	
9.4	Kéo phẫu thuật MAYO	Cái	1	Kéo phẫu thuật Mayo thẳng dài 170mm ($\pm$ 5mm)	
9.5	Cán dao Barron	Cái	1	Cán dao Barron, dài 130mm ($\pm$ 5mm)	
9.6	Kìm kẹp kim MAYO-HEGAR	Cái	1	Kìm kẹp kim Mayo-Hegar cán vàng dài 180mm($\pm$ 5mm)	
9.7	Nhíp phẫu tích ADSON	Cái	1	Nhíp phẫu tích Adson 1x2 răng dài 150mm($\pm$ 5mm)	
9.8	Hộp đựng dụng cụ tiết trùng	Cái	1	Hộp đựng dụng cụ và bảo quản dụng cụ phẫu thuật kích thước 285 x 280 x 100 mm ($\pm$ 5mm)	